

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH SƠN LA
TRƯỜNG PTDTNT THCS VÀ THPT YÊN CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Yên Châu, ngày 13 tháng 12 năm 2025

BẢN CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NẤU ĂN

1.	Tổng số học sinh của trường	381	Học sinh			
2.	Số học sinh cắt cơm	11	Học sinh			
3.	Số học sinh ăn sáng:	370	Học sinh	Tiền ăn:	7,000 đồng	= 2,590,000 đồng
5.	Số học sinh ăn trưa:	370	Học sinh	Tiền ăn:	23,000 đồng	= 8,510,000 đồng
6.	Số học sinh ăn tối:	370	Học sinh	Tiền ăn:	23,000 đồng	= 8,510,000 đồng
8.	Tiền thu:	19,610,000	đồng			
9.	Tiền chi lương thực, thực phẩm trong ngày:	19,610,000	đồng			
10.	Tiền thiếu:				0 đồng	

Đơn vị thực hiện :

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gạo	Kg	111	0	0	
2	Dầu ăn	Lít	15.0	50,000	750,000	
3	Nước mắm	Lít	5.0	13,800	69,000	
4	Mỳ chính	Kg	2.0	55,000	110,000	
5	Bột canh	Kg	4.0	20,000	80,000	

6	Muối trắng	Kg	4.0	7,000	28,000	
7	Nước rửa bát	Lít	6.8	38,000	258,400	
8	Nước lau nhà	Lít	7.2	30,000	216,000	
9	Gas đun bếp	Kg	25.0	36,000	900,000	
10	Gạo nếp (Xôi sáng)	Kg	45.0	25,000	1,125,000	
11	Thịt Xay(ăn xôi+ Xào bí non+ canh bí đỏ)	Kg	16.0	120,000	1,920,000	
12	Thịt lợn rang	Kg	51.0	120,000	6,120,000	
13	Bí non (Xào Thịt)	Kg	45.0	10,000	450,000	
14	Cải ngọt (canh)	Kg	23.3	12,000	279,600	
15	Dưa hấu	Kg	27.0	20,000	540,000	
16	Gà chiên	Kg	66.0	80,000	5,280,000	
17	Bắp cải xào	Kg	44.0	12,000	528,000	
18	Bí đỏ (canh)	Kg	20.4	10,000	204,000	
19	Dưa hấu	Kg	28.0	20,000	560,000	
20	Bột chiên	Kg	4.0	28,000	112,000	
21	Hành khô	Kg		40,000	-	
22	Tỏi	Kg		40,000	-	
23	Hành lá	Kg	2.0	40,000	80,000	
					19,610,000	

BỘ PHẬN NHÀ BẾP



Lò Thị Hương

THANH TRA NHÂN DÂN



Hoàng Thái Bình

Yên Châu, ngày 13 tháng 12 năm 2025...

BỘ PHẬN KẾ TOÁN



Tạ Hải Yến



Lưu Văn Khải

KẾ TOÁN CÔNG TY



Nguyễn Thị Như Vân



ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Văn Hải

